

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2014/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2014

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động
của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện,
chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ**

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2014/NĐ-CP) về điều kiện thành lập và hồ sơ đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ; hồ sơ và thủ tục thành lập, đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ tại Việt Nam;

b) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, ngoài công lập, có vốn nước ngoài, tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam;

c) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, ngoài công lập, có vốn nước ngoài thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc, văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài;

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tới đăng ký hoạt động cho tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập*: là tổ chức khoa học và công nghệ do một người hoặc một số người tự thành lập.

2. *Lĩnh vực đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ*: là lĩnh vực được quy định cụ thể trong quyết định thành lập hoặc điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đó.

3. *Ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động có điều kiện*: là ngành, nghề, lĩnh vực mà điều kiện hoạt động được quy định tại các Luật của Quốc hội, Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị định của Chính phủ.

4. *Vốn điều lệ*: là mức vốn cần thiết được quy định trong điều lệ mà tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ đầu tư hoặc cam kết đầu tư trong một thời hạn cụ thể (bằng tiền và tài sản) để bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu, phương hướng, điều lệ và lĩnh vực hoạt động.

5. *Cơ sở vật chất - kỹ thuật*: là tài sản (bao gồm: trụ sở, nhà xưởng, phòng thí nghiệm, máy móc, thiết bị, tài sản khác...) và tiền mà tổ chức có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp nhằm bảo đảm yêu cầu thực hiện mục tiêu, phương hướng, điều lệ và lĩnh vực hoạt động của tổ chức.

Điều 3. Ngôn ngữ sử dụng và cách thức nộp hồ sơ

1. Hồ sơ và các văn bản chính thức gửi các cơ quan nhà nước Việt Nam được lập bằng tiếng Việt, nếu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt.

Văn bản, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc chứng nhận trong hồ sơ phải được dịch ra tiếng Việt và được hợp pháp hoá lãnh sự.

2. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến cơ quan cấp giấy chứng nhận, giấy phép.

Điều 4. Quy định về xem xét hồ sơ

1. Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu xét thấy cần thiết, cơ quan cấp giấy chứng nhận, giấy phép có quyền:

- a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình để làm rõ các nội dung liên quan tới hồ sơ;
- b) Gửi văn bản xin ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan đối với các ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động mà pháp luật có quy định điều kiện;
- c) Lấy ý kiến chuyên gia hoặc thành lập Hội đồng tư vấn để xem xét, đánh giá hồ sơ của tổ chức, cá nhân.

Thành phần của Hội đồng bao gồm nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên gia pháp lý có trình độ và uy tín trong các lĩnh vực liên quan.

2. Đối với tổ chức khoa học và công nghệ đăng ký hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ có quy định riêng về điều kiện thành lập và hoạt động, Văn phòng Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Sở Khoa học và Công nghệ) có trách nhiệm gửi văn bản xin ý kiến các cơ quan, đơn vị được giao quản lý nhà nước về lĩnh vực đó, trừ trường hợp đã xin ý kiến khi thẩm định thành lập.

Điều 5. Đăng ký hoạt động tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ

1. Tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ tại Việt Nam đăng ký hoạt động tại Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ khi đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, đề nghị cấp giấy phép thành lập phải nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Các loại mẫu Giấy chứng nhận, Giấy phép:

a) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận) do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp cho tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam (sau đây viết tắt là Giấy phép) do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp theo Mẫu 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Giấy chứng nhận do Sở Khoa học và Công nghệ cấp cho tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu 3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận hoạt động) do Sở Khoa học và Công nghệ cấp cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, ngoài công lập và có vốn nước ngoài theo Mẫu 4 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương II

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP, NGOÀI CÔNG LẬP VÀ CÓ VỐN NƯỚC NGOÀI

Điều 6. Điều kiện thành lập và hồ sơ đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ lần đầu

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị định số 55/2012/NĐ-CP) thì điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 55/2012/NĐ-CP và Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

Các tổ chức khoa học và công nghệ không thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định số 55/2012/NĐ-CP thì điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

Điều kiện thành lập và hồ sơ đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học công nghệ quy định tại Điều 4 và Điều 9 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Đơn đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ:

Đơn đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ theo Mẫu 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Quyết định thành lập:

Tổ chức khoa học và công nghệ nộp bản sao (có chứng thực hợp pháp) quyết định thành lập của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thành lập theo quy định tại Điều 12 Luật khoa học và công nghệ (trừ trường hợp tổ chức do cá nhân thành lập).

a) Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ công lập:

Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan, tổ chức thẩm định thành lập theo quy định tại Nghị định số 55/2012/NĐ-CP và Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

b) Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập dưới hình thức góp vốn hợp tác giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân:

Phải có quyết định thành lập của một bên là cơ quan, tổ chức theo ủy quyền của các bên góp vốn hợp tác còn lại.

c) Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập:

Phải có biên bản hợp có chữ ký của những người sáng lập, trong đó thống nhất các nội dung cơ bản liên quan đến điều lệ tổ chức và hoạt động, các chức danh lãnh đạo, quản lý và các nội dung khác.

d) Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài sau khi được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định cho phép thành lập, phê duyệt Điều lệ.

Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài bao gồm các tài liệu theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP. Đơn đề nghị cho phép thành lập tổ chức theo Mẫu 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Điều lệ tổ chức và hoạt động:

a) Điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

Điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ được cơ quan, tổ chức thành lập phê duyệt. Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu quy định trong điều lệ phải phù hợp với ngành, lĩnh vực hoạt động của cơ quan, tổ chức chủ quản đó. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ do cơ quan, tổ chức phê duyệt điều lệ quyết định hoặc được quy định trong điều lệ.

Đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập, quy chế tổ chức và hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành có thể thay thế điều lệ của tổ chức.

Điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ thành lập dưới hình thức góp vốn hợp tác phải có chữ ký của các bên góp vốn hợp tác và được một bên là cơ quan, tổ chức phê duyệt theo ủy quyền của các bên góp vốn hợp tác còn lại.

Đối với tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài, nội dung, lĩnh vực hoạt động phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 11 Luật khoa học và công nghệ.

b) Điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập theo Mẫu 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều lệ phải có chữ ký của cá nhân hoặc các cá nhân thành lập, được cơ quan cấp giấy chứng nhận thẩm định trước khi cấp và có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận. Lĩnh vực hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Đối với cơ sở giáo dục đại học, điều lệ thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

d) Tên của tổ chức phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP và được hướng dẫn cụ thể như sau: